

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

*(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-DHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)*

**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh**  
**Mã ngành: 7340101**  
**Loại hình đào tạo: Chính quy**  
**Số tín chỉ: 136**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh được thiết kế nhằm mục tiêu giúp người học sau khi ra trường có tư duy kinh tế, kinh doanh và quản lý một cách khoa học, hệ thống; hiểu biết sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý; có khả năng làm việc ở môi trường trong nước và quốc tế. Có khả năng tạo lập, tổ chức, quản lý, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh doanh và quản lý trên cơ sở hệ thống lý thuyết và thực tiễn được trang bị. Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; nhận thức được các vấn đề về văn hóa, dân tộc trong các hoạt động kinh tế, kinh doanh.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Phẩm chất đạo đức: Chương trình xây dựng nhằm đào tạo ra những cử nhân trình độ Đại học Quản trị kinh doanh có phẩm chất, tư tưởng chính trị tốt, có nhận thức cao về đạo đức nghề nghiệp.

- Kiến thức: Chương trình trang bị cho người học những kiến thức bao gồm: kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành.

+ Đối với khối kiến thức đại cương: Trang bị cho người học những kiến thức về: kinh tế chính trị, đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ trình độ B1 chuẩn, toán cơ sở, văn hóa Việt Nam và địa phương, tiếng Việt thực hành, tin học và pháp luật đại cương, là tiền đề để nâng cao trình độ về chính trị, tư tưởng, đồng thời tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành.

+ Đối với khối kiến thức cơ sở ngành: Trang bị cho người học những kiến thức lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý cơ bản; các kiến thức về khởi nghiệp; pháp luật về kinh tế và phương pháp nghiên cứu kinh doanh, là cơ sở cho việc nghiên cứu tiếp thu khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

+ Đối với khối kiến thức ngành: Trang bị cho người học những kiến thức về quản trị các hoạt động trong tổ chức, doanh nghiệp từ việc hoạch định các yếu tố sản xuất, tổ chức hoạt động sản xuất bằng các phương pháp, cách thức khác nhau đến lựa chọn phân phối sản phẩm, dịch vụ trên thị trường theo các kênh có sẵn hoặc tự thiết kế sao cho đạt hiệu quả kinh doanh tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp.

+ Đối với khối kiến thức chuyên ngành: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành về mặt lý thuyết, thực tế, thực hành chuyên môn và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến các lĩnh vực chuyên sâu cho từng chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị doanh nghiệp trong các tổ chức, doanh nghiệp.

- Kỹ năng: Trang bị cho người học những kỹ năng như: Xử lý tốt các nghiệp vụ trong doanh nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng phân tích, dự báo và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh doanh và quản lý, kỹ năng giao tiếp... Ngoài ra, còn hình thành và phát triển những kỹ

năng cơ bản khác như: kỹ năng phân tích, lập luận, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tư vấn,...

- Thái độ: nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Có khả năng giao tiếp thành thạo tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, đạt trình độ tương đương chuẩn B1; Có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng phục vụ cho công việc chuyên môn.

### **2.2. Kỹ năng**

- Kỹ năng cứng: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Quản trị kinh doanh trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền....

- Kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập...

### **2.3. Phẩm chất, đạo đức**

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm, đầy đủ các chính sách, pháp luật của nhà nước. Có ý chí phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân. Có ý thức đạo đức nghề nghiệp tốt.

### **2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo về quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

### **2.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Người học sau khi ra trường và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tây Bắc có thể đảm nhiệm nhiều vị trí, vai trò khác nhau để làm những công việc liên quan đến kinh doanh và quản lý như sau:

- Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp:

+ Bộ phận bán hàng, tiếp thị;

+ Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh;

+ Bộ phận quản trị dự án kinh doanh;

+ Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực;

+ Các bộ phận quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp;

+ Các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác như: marketing, logistic kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chất lượng...

- Các loại hình và tổ chức, doanh nghiệp có khả năng, cơ hội làm việc phù hợp:

+ Các loại hình doanh nghiệp sản xuất và thương mại;

+ Các bộ phận quản trị và hoạt động kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp khác;

+ Các bộ phận R&D liên quan đến các vấn đề Quản trị kinh doanh ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học;

+ Các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

+ Tự khởi nghiệp, tổ chức, quản lý điều hành doanh nghiệp ở các lĩnh vực kinh doanh trên thị trường.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ.

Khối kiến thức chung: 28 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 108 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành: 42 tín chỉ

Kiến thức ngành: 27 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: 39 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo; Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

**6. Cách thức đánh giá:** Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

### 7. Nội dung chương trình

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
<b>1. Khối kiến thức chung</b>			<b>27</b>	Không kể GDTC và GDQP				
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
1	LNL0038	Triết học Mác - Lênin	3	42	3	48		
2	LNL0039	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	28	2	32		
3	LNL0040	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	28	2	32		
4	LTD0044	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	28	2	32		
5	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28	2	32		
6	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
7	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
8	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
9	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
10	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	30	
11	GDT0003	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	60	GDT0001
12	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
<b>Tự chọn 1</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VNN0002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	35	60	

13	VTV0008	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	45	60	
	LTD0029	Xã hội học nông thôn	2	30		30	60	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
	TDH0015	Đại số tuyến tính	2	25	5	35	60	
	TGT0003	Giải tích	2	25	5	35	60	
	TGT0030	Lý thuyết XS và thống kê toán	2	25	5	35	60	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>108</b>					
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>42</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>34</b>					
14	KIT0038	Kinh tế vi mô	3	40	5	50	90	
15	KIT0039	Kinh tế vĩ mô	3	41	4	49	90	
16	KQT0034	Marketing căn bản	3	30	15	60	90	
17	KIT0041	Luật kinh tế	3	34	11	56	90	
18	KIT0040	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	40	5	50	90	
19	KTT0034	Nguyên lý kế toán	3	45		45	90	
20	KQT0033	Quản trị văn phòng	4	45	15	75	120	
21	KQT0008	Quản trị học	3	45		45	90	
22	KQT0078	Khởi sự KD và tái lập DN	2	30		30	60	
23	KQT0035	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển doanh nghiệp	2	25	5	35	60	
24	KQT0036	Tổ chức sự kiện	2	30		30	60	
25	TMT0050	Tin học ứng dụng	3				90	
<b>Tự chọn 2, 3, 4, 5</b>			<b>8</b>	SV chọn học các học phần với tổng số 8 tín chỉ trong các học phần sau				
26 27 28 29	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	
	KIT0009	Lịch sử kinh tế quốc dân	3	30	15	60	90	
	KIT0032	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30		30	60	
	KIT0037	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	25	5	35	60	
	KIT0024	Kinh tế phát triển	2	25	5	35	60	
	KIT0025	Kinh tế quốc tế	2	19	11	41	60	
	KIT0026	Dân số và phát triển	2	30		30	60	
	KIT0027	Kinh tế và quản lý môi trường	2	30		30	60	
	KIT0028	Lập và quản lý dự án đầu tư	2	25	5	35	60	
KIT0029	Thị trường chứng khoán	2	25	5	35	60		

	KIT0030	Kinh tế đầu tư	2	25	5	35	60	
	KIT0033	Thuế trong kinh doanh	2	15	15	45	60	
	KIT0034	Tài chính doanh nghiệp	2				60	
	KQT0037	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	25	5	35	60	
	KIT0031	Kinh tế lượng	2	25	5	35	60	
	NNT0047	Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh	4	60		60	120	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>27</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>23</b>					
30	KQT0007	Quản trị chất lượng	2	30		30	60	
31	KQT0009	Quản trị dự án xây dựng	3	45		45	90	
32	KQT0038	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	4	60		60	120	
33	KQT0039	Quản trị nhân lực	2	30		30	60	
34	KQT0040	Quản trị chi phí kinh doanh	2	30		30	60	
35	KQT0041	Thực tập nghề nghiệp 1 (Marketing)	3			135	90	KQT0034
36	KQT0042	Thực tập nghề nghiệp 3 (Quản trị sản xuất và tác nghiệp)	3			135	90	KQT0038
37	KQT0043	Thực tập nghề nghiệp 4 (Quản trị nhân lực, Khởi sự KD và tái lập DN)	4			180	120	KQT0039 KQT0078
<b>Tự chọn 6,7</b>			<b>4</b>		SV chọn học 2 trong các học phần sau			
38 39	KQT0044	Quản trị marketing	2	30		30	60	
	KQT0045	Quản trị thương hiệu	2	30		30	60	
	KQT0012	Ứng dụng phương pháp tối ưu trong kinh doanh	2	30		30	60	
	KQT0046	Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	2	30		30	60	
	KQT0047	Quản trị công nghệ	2	30		30	60	
	KIT0035	Quản trị tài chính	2	30		30	60	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>39</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
<b>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>								
40	KQT0048	Quản trị kinh doanh 1	2	30		30	60	
41	KQT0049	Quản trị kinh doanh 2	2	30		30	60	
42	KQT0050	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	30		30	60	

43	KQT0014	Quản trị chiến lược	3	45		45	90	
44	KQT0016	Kỹ năng quản trị	4	60		60	120	
45	KQT0051	Hậu cần kinh doanh	2	30		30	60	
46	KQT0052	Thực tập nghề nghiệp 2.1 (Quản trị kinh doanh)	3		135	135	90	KQT0048 KQT0049
47	KQT0053	Thực tập nghề nghiệp 5.1 (Quản trị chi phí kinh doanh và Hậu cần kinh doanh)	4		180	180	120	KQT0040 KQT0051
48	KQT0054	Thực tập nghề nghiệp 6.1 (Kỹ năng quản trị)	3		135	135	90	KQT0016
<b>(2) Chuyên ngành quản trị doanh nghiệp</b>								
40	KQT0055	Quản trị doanh nghiệp	3	45		45	90	
41	KQT0056	Kỹ năng đàm phán	2	30		30	60	
42	KQT0057	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45		45	90	
43	KQT0058	Quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh	3	45		45	90	
44	KQT0059	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	30		30	60	
45	KQT0060	Kỹ năng thuyết trình	2	30		30	60	
46	KQT0061	Thực tập nghề nghiệp 2.2 (Quản trị doanh nghiệp)	3		135	135	90	KQT0055
47	KQT0062	Thực tập nghề nghiệp 5.2 (Quản trị chi phí kinh doanh và Quản trị chuỗi cung ứng)	4		180	180	120	KQT0040 KQT0057
48	KQT0063	Thực tập nghề nghiệp 6.2 (Kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng thuyết trình và kỹ năng đàm phán)	3		135	135	90	KQT0059 KQT0060 KQT0056
<b>Tự chọn 8,9</b>			<b>4</b>	SV chọn học 2 trong các học phần sau				
<b>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</b>								
49 50	KQT0064	Quản trị rủi ro	2	30		30	60	
	KQT0065	Quản trị mối quan hệ khách hàng	2	20	10	40	60	
	KQT0066	Hành vi tổ chức	2	30		30	60	
	KQT0067	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	30		30	60	
<b>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp</b>								
49 50	KQT0068	Rủi ro trong kinh doanh	2	30		30	60	
	KQT0069	PR Quan hệ công chúng	2	30		30	60	
	KQT0070	Văn hóa trong kinh doanh	2	30		30	60	

	KQT0071	Đạo đức trong kinh doanh	2	30		30	60	
<b>Thực tập chuyên môn cuối khóa</b>			<b>10</b>					
51	KQT0072	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10			450		

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

### 8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Triết học Mác - Lênin	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tin học cơ sở	3	30
	Kinh tế vi mô	3	45
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>16</b>	
<b>II</b>	Tự chọn 1	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	Tự chọn 3	2	30
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Kinh tế vĩ mô	3	45
	Quản trị văn phòng	4	45
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>20</b>	
<b>III</b>	Tự chọn 4	2	30
	Tự chọn 5	2	30
	Quản trị nhân lực	2	30
	Marketing căn bản	3	45
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Quản trị kinh doanh 1	2	30
	Quản trị kinh doanh 2	2	30
	Hậu cần kinh doanh	2	30
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		

	Quản trị doanh nghiệp	3	45
	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
<b>IV</b>	Tin học ứng dụng	3	30
	Lịch sử ĐCSVN	2	30
	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45
	Quản trị học	3	45
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển doanh nghiệp	2	30
	Nguyên lý kế toán	3	45
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	30
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Kỹ năng đàm phán	2	30
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>
<b>V</b>	Quản trị chất lượng	2	30
	Tư tưởng HCM	2	30
	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	4	60
	Luật kinh tế	3	45
	Tổ chức sự kiện	2	30
	Quản trị chi phí kinh doanh	2	45
	Tự chọn 6	2	30
	Tự chọn 7	2	30
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>
<b>VI</b>	Quản trị dự án xây dựng	3	45
	Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	2	45
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Tự chọn 8	2	30
	Tự chọn 9	2	30
	Quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh	3	45
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	30
	Kỹ năng thuyết trình	2	30
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Tự chọn 8	2	30

	Tự chọn 9	2	30
	Quản trị chiến lược	3	45
	Kỹ năng quản trị	4	60
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>16</b>	
<b>VII</b>	Thực tập nghề nghiệp 1	3	45
	Thực tập nghề nghiệp 3	3	45
	Thực tập nghề nghiệp 4	4	60
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 2.1	3	45
	Thực tập nghề nghiệp 6.1	3	45
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 2.2	3	45
	Thực tập nghề nghiệp 6.2	3	45
		<b>Số ĐVTC</b>	<b>16</b>
<b>VIII</b>	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 5.1	4	60
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 5.2	4	60
	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10	150
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>14</b>	

### 8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm)

Học kỳ	Học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Triết học Mác - Lênin	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tin học cơ sở	3	30
	Kinh tế vi mô	3	45
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>16</b>	
<b>II</b>	Tự chọn 1	2	30
	Quản trị nhân lực	2	30
	Marketing căn bản	3	45
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30

<b>HK phụ</b>	Tiếng Anh 2	5	75
	Kinh tế vĩ mô	3	45
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
	Tự chọn 2	2	30
	Tự chọn 3	2	30
	Quản trị văn phòng	4	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>III</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30
	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45
	Quản trị học	3	45
	Quản trị dự án xây dựng	3	45
	Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Quản trị kinh doanh 1	2	30
	Quản trị kinh doanh 2	2	30
	Hậu cần kinh doanh	2	30
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Quản trị doanh nghiệp	3	45
	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>IV</b>	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển doanh nghiệp	2	30
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30
	Nguyên lý kế toán	3	45
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Quản trị chiến lược	3	45
	Tự chọn 8	2	30
	Tự chọn 9	2	30
	Kỹ năng quản trị	4	60
	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	30
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Tự chọn 8	2	30

	Tự chọn 9	2	30
	Quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh	3	45
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	30
	Kỹ năng thuyết trình	2	30
	Kỹ năng đàm phán	2	30
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>20</b>	
<b>HK phụ</b>	Tự chọn 4	2	30
	Tự chọn 5	2	30
	Tự chọn 6	2	30
	Tự chọn 7	2	30
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>V</b>	Quản trị chất lượng	2	30
	Tư tưởng HCM	2	30
	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	4	60
	Luật kinh tế	3	45
	Tổ chức sự kiện	2	30
	Tin học ứng dụng	3	45
	Quản trị chi phí kinh doanh	2	30
	Thực tập nghề nghiệp 1	3	45
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 2.1	3	45
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 2.2	3	45
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>24</b>	
<b>VI</b>	Thực tập nghề nghiệp 3	3	45
	Thực tập nghề nghiệp 4	4	60
	<i>(1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 5.1	4	60
	Thực tập nghề nghiệp 6.1	3	45
	<i>(2) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp gồm:</i>		
	Thực tập nghề nghiệp 5.2	4	60
	Thực tập nghề nghiệp 6.2	3	45
	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10	150

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

**HIỆU TRƯỞNG***(Ký tên, đóng dấu)***TS. Đinh Thanh Tâm**